TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 03 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Huyền T, sinh năm 1989. NĐKHKTT: Đội 0, xã Th, V, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1987. NĐKHKTT: Tiểu khu a, thị t H L , huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Huyền T trình bày như sau:

Chị và anh Vũ Văn H kết hôn với nhau từ năm 2011, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ vào ngày 20/10/2011.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính cách của anh chị không hợp nhau, anh H ham mê cờ bạc,

không chăm lo cho gia đình thường xuyên đi chơi thâu đêm, chị có khuyên bảo thì vợ chồng lại sảy ra mâu thuẫn đánh đập nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Đến năm 2016 chị đã bỏ về bên ngoại ở Phú Thọ sinh sống và anh chị cũng đã sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Cao Nhật Long, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Vũ Ngọc Hải Băng, sinh ngày 25/9/2016. Từ khi anh chị sống ly thân hai cháu ở cùng chị. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/02/2024, bị đơn anh Vũ Văn H trình bày như sau:

Về tình cảm, anh H xác định anh và chị Cao Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2011, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay sảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến hôn nhân không hạnh phúc. Sau đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung, anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Cao Nhật Long, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Vũ Ngọc Hải Băng, sinh ngày 25/9/2016. Từ khi anh chị sống ly thân hai cháu ở cùng chị T. Anh cũng đồng ý với nguyện vọng của chị T giao cả hai cháu Vũ Cao Nhật Long và cháu Vũ Ngọc Hải Băng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh cũng xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án, xem xét giải quyết.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Vũ Cao Nhật Long, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Vũ Ngọc Hải Băng, sinh ngày 25/9/2016 đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Cao Thị Huyền T sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 56 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Huyền T và anh Vũ Văn H. Về con chung, giao cháu Vũ Cao Nhật Long, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Vũ Ngọc Hải Băng, sinh ngày 25/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị Huyền T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Vũ Văn H có địa chỉ tại: Tiểu khu 18, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự nhưng các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Cao Thị Huyền T và anh Vũ Văn H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2011. Khi

kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Theo chị T, mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh H hay cờ bạc, thường xuyên đi thâu đêm, vì vậy vợ chồng cũng hay mâu thuẫn cãi cọ xô xát nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến năm 2016 chị đã bỏ về nhà ngoại ở Phú Thọ sinh sống. Anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, hay cãi vã, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh H nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì khác. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng chị T có đơn không yêu cầu Tòa án hòa giải, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị Huyền T và anh Vũ Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Vũ Cao Nhật Long, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Vũ Ngọc Hải Băng, sinh ngày 25/9/2016. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Anh H cũng đồng ý với nguyện vọng của chị T giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay hai cháu Long và Băng đang ở cùng chị T và do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu cháu Long và Băng cũng đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần giao cháu Vũ Cao Nhật Long và cháu Vũ Ngọc Hải Băng cho chị Cao Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có tài sản chung cũng như nợ chung, nên hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí xin ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 , Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Huyền T và anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Cao Nhật Long, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Vũ Ngọc Hải Băng, sinh ngày 25/9/2016 cho chị Cao Thị Huyền T trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được quyền cản trở anh H được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000278 ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBN xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh